

Quản lý vốn đầu tư công xây dựng cơ bản tại Tân Hồng, Đồng Tháp: Thực trạng và giải pháp

Public investment capital management in basic construction in Tan Hong district, Dong Thap province: Current status and policy implications

> PHẠM THỊ TUYẾT AN^{1,2}, LÊ TRUNG THÀNH^{2,*}

¹Phòng Tài chính - Kế hoạch, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp

²Trường Đại học Thủy Lợi; *Email: thanh@tlu.edu.vn

TÓM TẮT

Nghiên cứu tập trung đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm tối ưu hóa việc quản lý vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách nhà nước cho phát triển cơ sở hạ tầng tại huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Trong bối cảnh Tân Hồng là huyện biên giới với cơ sở hạ tầng còn hạn chế và tỷ lệ giải ngân đầu tư công chưa thực sự ổn định, nghiên cứu này hướng đến mục tiêu nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, giảm thiểu thất thoát và đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của địa phương. Kết quả phân tích dựa trên dữ liệu giai đoạn 2020-2024 cho thấy các yếu tố như thể chế pháp lý tại địa phương chưa hoàn thiện, năng lực tổ chức còn hạn chế và công tác giám sát chưa đạt hiệu quả tối đa là những nguyên nhân chính ảnh hưởng đến chất lượng quản lý vốn. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một hệ thống giải pháp toàn diện, bao gồm các cải cách về thể chế, tăng cường năng lực tổ chức, ứng dụng công nghệ và hoàn thiện cơ chế tài chính, nhằm tối ưu hóa việc phân bổ và sử dụng vốn đầu tư công tại địa phương.

Từ khóa: Giải ngân; hiệu quả đầu tư; nguồn vốn đầu tư công; quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản; phân bổ nguồn lực; quản lý đầu tư; ngân sách nhà nước.

ABSTRACT

The study focuses on evaluating the current situation and proposing solutions to optimize the management of public investment capital from state budget funds for infrastructure development in Tân Hồng District. In the context of Tân Hồng being a border district with limited infrastructure and an occasionally unstable public investment disbursement rate, this research aims to improve capital utilization efficiency, minimize losses, and contribute to the sustainable socio-economic development of the locality. The analysis of data from the 2020-2024 period indicates that factors such as an incomplete local institutional framework, limited organizational capacity, and less than optimal oversight effectiveness are a primary causes affecting the quality of capital management. Based on these findings, the study proposes a comprehensive system of solutions, encompassing institutional reforms, organizational capacity building, technological applications, and financial mechanism enhancements, to optimize the allocation and utilization of public investment capital at the local level.

Keywords: Disbursement; investment efficiency; public investment capital; management of capital for basic construction investment; resource allocation; investment management; state budget.

I. GIỚI THIỆU

Đầu tư công (ĐTC) đóng vai trò trụ cột trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển cơ sở hạ tầng và nâng cao phúc lợi xã hội, đặc biệt tại các quốc gia đang phát triển và trong các giai đoạn kinh tế cận sự phục hồi (Dabla-Norris, Brumby, Kyobe, Mills & Papageorgiou, 2012). Hiệu quả của ĐTC không chỉ thể hiện qua quy mô vốn được giải ngân mà còn ở chất lượng của các dự án, khả năng tạo ra giá trị gia tăng và tác động lan tỏa đến các khu vực kinh tế khác. Tại Việt Nam, Chính phủ luôn xác định ĐTC là một trong những động lực tăng trưởng quan trọng, với các nghiên cứu chỉ ra rằng việc giải ngân hiệu quả vốn ĐTC có thể tạo ra hiệu ứng số nhân đáng kể, thúc đẩy tổng cầu và đóng góp vào tăng trưởng GDP (Lâm, 2024). Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cũng nhấn mạnh rằng việc cải thiện hiệu

quả quản lý ĐTC, dù chỉ một phần trăm nhỏ, cũng có thể mang lại những lợi ích đáng kể cho tăng trưởng kinh tế quốc gia.

Tuy nhiên, công tác quản lý ĐTC trên thực tế thường đối mặt với nhiều thách thức phức tạp. Các "điểm nghẽn" trong quản lý ĐTC, bao gồm từ khâu lập kế hoạch, thẩm định, lựa chọn dự án đến triển khai, giám sát và đánh giá, đã được ghi nhận ở nhiều quốc gia, dẫn đến tình trạng chậm tiến độ, vượt dự toán, lãng phí nguồn lực và hiệu quả đầu tư không như kỳ vọng (Eltokhy, Feruglio, Miao, Navarro & Tandberg, 2024). Tại Việt Nam, những hạn chế trong quản lý ĐTC ở một số địa phương cũng đã được chỉ ra, chẳng hạn như các vấn đề liên quan đến hệ thống văn bản pháp lý chưa đồng bộ, năng lực tổ chức thực hiện còn hạn chế và tiến độ thi công các dự án còn chậm chạp. Những yếu kém này không chỉ làm giảm hiệu quả của

nguồn vốn nhà nước mà còn ảnh hưởng đến niềm tin của xã hội và mục tiêu phát triển bền vững.

Trong bối cảnh đó, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, một huyện biên giới với nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp, cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế và công nghiệp - dịch vụ chưa phát triển mạnh, đứng trước yêu cầu cấp thiết phải nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ĐTC. Trong những năm qua, nguồn vốn ĐTC từ ngân sách nhà nước đã đóng góp quan trọng vào việc cải thiện hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện. Mặc dù vậy, công tác quản lý nguồn vốn này vẫn còn bộc lộ những tồn tại nhất định, như tỷ lệ giải ngân đôi khi chưa ổn định, một số dự án còn kéo dài, và hiệu quả tổng thể của đầu tư cần được cải thiện hơn nữa để đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của địa phương.

Xuất phát từ những vấn đề trên, nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu chính là đánh giá một cách toàn diện thực trạng công tác quản lý vốn ĐTC trong lĩnh vực xây dựng cơ bản tại huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2020-2024. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sẽ phân tích các yếu tố ảnh hưởng, xác định những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức, từ đó đề xuất hệ thống các giải pháp khả thi nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý và hiệu quả sử dụng vốn ĐTC tại địa phương. Kết quả của nghiên cứu được kỳ vọng sẽ cung cấp những luận cứ khoa học và thực tiễn quan trọng, góp phần vào việc hoàn thiện cơ chế quản lý ĐTC, tối ưu hóa việc phân bổ và sử dụng nguồn lực công, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững cho huyện Tân Hồng nói riêng và đóng góp vào kinh nghiệm quản lý ĐTC cho các địa phương có điều kiện tương tự.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

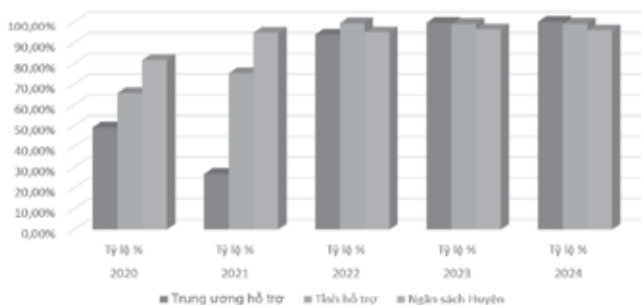
Nghiên cứu này được thực hiện dựa trên cách tiếp cận định tính, nhằm mục đích khám phá sâu và diễn giải các khía cạnh phức tạp của công tác quản lý vốn ĐTC tại huyện Tân Hồng. Phương pháp định tính cho phép tác giả thu thập và phân tích thông tin một cách chi tiết, làm nổi bật các sắc thái và bối cảnh cụ thể mà các phương pháp định lượng có thể bỏ qua, đặc biệt phù hợp khi nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chính sách, quy trình quản lý và các yếu tố ảnh hưởng mang tính đặc thù của địa phương.

Nguồn dữ liệu chủ yếu được sử dụng trong nghiên cứu này là dữ liệu thứ cấp. Cụ thể, tác giả đã tiến hành thu thập và tổng hợp các báo cáo tài chính và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu

Bảng 1. Tổng hợp kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương và NSDP (ngân sách Tỉnh và ngân sách Huyện) và kết quả giải ngân giai đoạn 2020-2024

Cơ cấu vốn	2020		2021		2022		2023		2024	
	Kế hoạch	Giải ngân	Kế hoạch	Giải ngân	Kế hoạch	Giải ngân	Kế hoạch	Giải ngân	Kế hoạch	Giải ngân
Trung ương hỗ trợ	96,270	47,280	33,156	8,856	14,643	13,747	11,305	11,260	7,871	7,871
Tỉnh hỗ trợ	170,281	111,849	209,857	157,961	206,206	204,965	132,340	131,116	140,484	139,388
Ngân sách Huyện	49,286	40,180	79,535	75,381	157,976	150,026	209,729	202,203	136,517	130,894
Tổng cộng	315,837	199,309	322,548	242,198	378,825	368,738	353,374	344,579	284,872	278,153

Đvt: tỷ đồng



Hình 1: Biểu đồ tỷ lệ % giải ngân giai đoạn 2020 -2024

tư công hàng năm của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Tân Hồng trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024. Bên cạnh đó, các văn bản pháp lý quan trọng liên quan đến quản lý ĐTC cũng được xem xét kỹ lưỡng, bao gồm Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội, các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ, và các văn bản chỉ đạo, điều hành cụ thể của UBND tỉnh Đồng Tháp. Các niên giám thống kê và các ấn phẩm nghiên cứu có liên quan cũng được tham khảo để bổ sung và đối chiếu thông tin, đảm bảo tính toàn diện và độ tin cậy của dữ liệu.

Quá trình phân tích dữ liệu được tiến hành thông qua việc tổng hợp, hệ thống hóa các số liệu thu thập được, đặc biệt là các số liệu về kế hoạch vốn và kết quả giải ngân qua các năm. Phương pháp so sánh được áp dụng để nhận diện các xu hướng, biến động và những điểm nổi bật trong quá trình thực hiện ĐTC tại địa phương. Một công cụ phân tích quan trọng được sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp phân tích SWOT (Strengths, Weaknesses, Opportunities, Threats) (Sammuto-Bonnicci & Galea, 2015). Việc vận dụng mô hình SWOT giúp xác định một cách có hệ thống các yếu tố nội tại, bao gồm những điểm mạnh và điểm yếu trong công tác quản lý vốn ĐTC của huyện Tân Hồng. Đồng thời, các yếu tố bên ngoài như cơ hội và thách thức từ môi trường kinh tế, xã hội và pháp lý cũng được nhận diện và đánh giá. Kết quả phân tích SWOT là cơ sở then chốt để làm rõ nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế và đề xuất các nhóm giải pháp chiến lược phù hợp với điều kiện thực tiễn của huyện, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn ĐTC.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng quản lý vốn ĐTC tại huyện Tân Hồng giai đoạn 2020-2024

Phân tích số liệu thu thập cho thấy, trong giai đoạn 2020-2024, tổng vốn ĐTC từ ngân sách nhà nước (NSNN) phân bổ cho huyện Tân Hồng dao động trong khoảng từ 280 tỷ đồng đến 380 tỷ đồng mỗi năm. Về cơ cấu nguồn vốn, ngân sách địa phương (NSDP), bao gồm ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, đóng vai trò chủ đạo. Đặc biệt, từ năm 2022 đến 2024, trên 95% tổng vốn ĐTC tại huyện là do tỉnh và huyện tự cân đối, cho thấy sự chủ động ngày càng tăng của địa phương trong việc huy động và phân bổ nguồn lực.

Nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương chiếm tỷ trọng đáng kể trong giai đoạn đầu (khoảng 17-33% trong năm 2020-2021) nhưng đã giảm mạnh xuống còn khoảng 3-4% trong các năm tiếp theo (xem Bảng 1). Tỷ lệ giải ngân hàng năm của huyện Tân Hồng đạt mức cao, bình quân trên 97% kế hoạch trong giai đoạn 2022-2024, thể hiện nỗ lực lớn của địa phương trong việc triển khai các dự án. Năm 2021, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tỷ lệ giải ngân chỉ đạt 75%, phản ánh những khó khăn khách quan trong giai đoạn này (xem hình 1).

Khi xem xét chi tiết hơn về cơ cấu vốn theo loại hình đầu tư, vốn đầu tư xây dựng cơ bản (XD CB) luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất. Nguồn vốn xã số kiến thiết và nguồn thu từ sử dụng đất là hai cấu phần quan

trọng trong tổng vốn đầu tư XDCB (xem Bảng 2). Kết quả giải ngân đối với vốn XDCB và vốn sự nghiệp mang tính chất đầu tư cũng đạt tỷ lệ cao so với kế hoạch, đặc biệt trong những năm gần đây (xem Bảng 3 và Hình 2). Những kết quả này cho thấy sự quyết liệt trong chỉ đạo,

điều hành của huyện Tân Hồng, cùng với việc công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện thường xuyên đã góp phần phát hiện, chấn chỉnh kịp thời các sai phạm, hạn chế lãng phí ngân sách và đảm bảo tuân thủ tương đối tốt các quy định quản lý ĐTC.

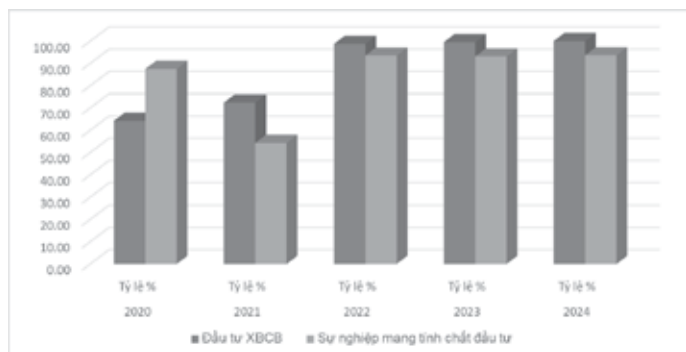
Bảng 2. Tổng hợp kế hoạch vốn đầu tư XDCB và nguồn vốn sự nghiệp mang tính chất đầu tư giai đoạn 2020 -2024

Năm	2020	2021	2022	2023	2024
1. Vốn đầu tư XBCB	218,030	281,208	281,016	244,940	179,344
Nguồn vốn ngân sách tập trung	33,818	34,482	78,326	80,797	47,810
Nguồn vốn thu sử dụng đất	8,490	21,132	25,573	69,598	35,685
Nguồn vốn xổ số kiến thiết	109,452	162,438	162,474	83,240	72,645
Nguồn vốn Chương trình MTQG	64,234	13,156	14,643	11,305	7,871
Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ	2,036	-	-	-	-
Nguồn vốn tài trợ	-	-	-	-	-
Nguồn vốn dự phòng NSTW	30,000	20,000	-	-	-
Nguồn vốn khác	-	-	-	-	15,333
2. Kế hoạch nguồn vốn sự nghiệp mang tính chất đầu tư	67,807	71,340	97,809	108,434	105,528
Tổng cộng	315,837	322,548	378,825	353,374	284,872

Bảng 3. Tổng hợp kết quả giải ngân vốn đầu tư XDCB và nguồn vốn sự nghiệp mang tính chất đầu tư giai đoạn 2020 -2024

Năm	2020	2021	2022	2023	2024
1. Vốn đầu tư XBCB	139,985	203,482	277,309	243,672	179,343
Nguồn vốn ngân sách tập trung	27,600	32,592	77,128	80,797	47,810
Nguồn vốn thu sử dụng đất	5,160	11,998	25,045	69,598	35,685
Nguồn vốn xổ số kiến thiết	59,726	150,036	161,389	82,017	72,644
Nguồn vốn Chương trình MTQG	47,280	8,856	13,747	11,260	7,871
Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ	0,219	-	-	-	-
Nguồn vốn tài trợ	-	-	-	-	-
Nguồn vốn dự phòng NSTW	-	-	-	-	-
Nguồn vốn khác	-	-	-	-	15,333
2. Giải ngân nguồn vốn sự nghiệp mang tính chất đầu tư	59,324	38,716	91,429	100,907	98,810
Tổng cộng	199,309	242,198	368,738	344,579	278,153
Tỷ lệ giải ngân/Kế hoạch vốn	63,11%	75,09%	97,34%	97,51%	97,64%

Nguồn tổng hợp từ các Báo cáo đầu tư phát triển năm 2020 -2024 của huyện Tân Hồng



Hình 2. Biểu đồ tỷ lệ % giải ngân vốn đầu tư giai đoạn 2020 -2024

3.2. Phân tích SWOT về công tác quản lý vốn ĐTC tại huyện Tân Hồng

Dựa trên việc phân tích thực trạng và các yếu tố liên quan, các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (SWOT) trong công tác quản lý vốn ĐTC tại huyện Tân Hồng được xác định như sau:

• **Điểm mạnh (Strengths):** Huyện Tân Hồng thể hiện những ưu điểm nổi bật bao gồm tỷ lệ giải ngân vốn ĐTC duy trì ở mức cao, đặc biệt là trên 97% bình quân các năm gần đây. Cơ chế phối hợp liên ngành trong quản lý dự án được đánh giá là tương đối tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình triển khai. Công tác thanh tra, kiểm tra được tổ chức thường xuyên, góp phần phát hiện và hạn chế lãng

phí nguồn vốn. Sự quyết tâm cao của chính quyền địa phương và khả năng huy động nguồn vốn từ ngân sách tỉnh và huyện là những yếu tố quan trọng đảm bảo nguồn lực cho các dự án cơ bản.

• **Điểm yếu (Weaknesses):** Mặc dù đạt được những kết quả tích cực, công tác quản lý vốn ĐTC tại huyện vẫn còn những hạn chế. Thể chế pháp lý tại địa phương đôi khi chưa thực sự rõ ràng, hoặc việc ban hành các văn bản hướng dẫn còn chậm, gây khó khăn trong quá trình thực hiện thủ tục đầu tư. Năng lực chuyên môn của một bộ phận cán bộ trực tiếp phụ trách dự án còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm trong quản lý các dự án có quy mô lớn và tính chất phức tạp. Hệ quả là một số dự án đầu tư XDCB vẫn còn tình trạng chậm trễ, phát sinh nợ đọng công trình, và hiệu quả đầu tư tổng thể chưa đạt như kỳ vọng do công tác đánh giá, chuẩn bị đầu tư chưa được thực hiện kỹ lưỡng. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý ĐTC, đặc biệt là theo dõi tiến độ và minh bạch hóa thông tin dự án, còn hạn chế.

• **Cơ hội (Opportunities):** Môi trường chính sách đang có những thay đổi tích cực, mang lại cơ hội cho huyện Tân Hồng. Việc ban hành Luật Đầu tư công 2024 và các nghị quyết mới về phân bổ vốn, cùng với các cơ chế phân cấp mạnh mẽ hơn cho địa phương, mở ra không gian để huyện chủ động và linh hoạt hơn trong quản lý vốn. Sự hỗ trợ từ Trung ương và tỉnh trong việc thí điểm các mô hình quản lý mới, như áp dụng phần mềm quản lý dự án, triển khai hệ thống chỉ số đo lường hiệu suất (KPI), và tăng cường phân cấp

quản lý dự án nhóm nhỏ cho cấp huyện, là những cơ hội quý báu. Xu hướng chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước nói chung cũng là một động lực quan trọng để cải thiện quy trình theo dõi giải ngân và báo cáo.

• **Thách thức (Threats):** Huyện Tân Hồng cũng đối mặt với không ít thách thức. Những biến động của kinh tế vĩ mô như dịch bệnh, biến động giá nguyên vật liệu, và lạm phát có thể ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng cân đối ngân sách địa phương và tiến độ thực hiện các dự án. Sự cạnh tranh trong thu hút vốn ĐTC giữa các địa phương ngày càng gay gắt, trong khi nguồn lực của tỉnh và Trung ương có hạn. Bên cạnh đó, sự bất ổn hoặc thay đổi thường xuyên trong môi trường pháp lý có thể tạo ra sự chậm trễ trong quá trình phê duyệt và thanh quyết toán dự án. Cuối cùng, nếu công tác giám sát không được tăng cường và thực hiện hiệu quả, nguy cơ thất thoát và lãng phí vốn ĐTC vẫn còn tiềm ẩn.

4. THẢO LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy huyện Tân Hồng đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trong công tác giải ngân vốn ĐTC giai đoạn 2020-2024, với tỷ lệ giải ngân duy trì ở mức cao, đặc biệt trong những năm gần đây. Điều này phản ánh sự nỗ lực và quyết tâm của chính quyền địa phương, cũng như hiệu quả của cơ chế phối hợp liên ngành và công tác thanh tra, kiểm tra thường xuyên. Tuy nhiên, một nghịch lý đáng chú ý là dù tỷ lệ giải ngân cao, "hiệu quả đầu tư chưa cao" vẫn được xác định là một điểm yếu. Sự thiếu tương xứng này gợi ý rằng việc tập trung vào số lượng vốn được giải ngân chưa đủ để đảm bảo chất lượng và tác động lan tỏa của các dự án. Nguyên nhân có thể xuất phát từ chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư chưa kỹ lưỡng, dẫn đến việc lựa chọn dự án chưa thực sự tối ưu, hoặc quy trình quản lý dự án còn những bất cập khiến chi phí tăng cao, tiến độ kéo dài dù vốn đã được giải ngân. Phát hiện này tương đồng với các nghiên cứu của IMF khi nhấn mạnh rằng hiệu quả ĐTC không chỉ nằm ở việc giải ngân mà còn ở chất lượng của các khâu thẩm định, lựa chọn và quản lý dự án.

Các hạn chế về thể chế pháp lý tại địa phương, năng lực chuyên môn của cán bộ và việc ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế là những yếu tố then chốt ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý vốn ĐTC tại Tân Hồng. Thực trạng này không phải là cá biệt, nhiều nghiên cứu trong nước như của Le, H. A., & Tran, T. N. (2022) tại huyện Năm Căn tỉnh Cà Mau hay nghiên cứu của Cường, H. (2020) tại huyện Cam Lộ tỉnh Quảng Trị đã chỉ ra những vấn đề tương tự về vướng mắc trong hệ thống văn bản pháp lý và tiến độ thi công chậm chạp. Điều này cho thấy sự cần thiết của việc hoàn thiện khung pháp lý một cách đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, đồng thời tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý ĐTC. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, như kinh nghiệm từ việc áp dụng đấu thầu điện tử ở Ấn Độ và Indonesia giúp cải thiện chất lượng và tiến độ công trình, cũng là một giải pháp tiềm năng mà Tân Hồng cần đẩy mạnh.

Phân tích SWOT đã chỉ ra những cơ hội quan trọng từ sự thay đổi chính sách, đặc biệt là Luật Đầu tư công 2024 và xu hướng phân cấp mạnh mẽ hơn cho địa phương. Đây là thời điểm thuận lợi để Tân Hồng chủ động đề xuất và triển khai các mô hình quản lý mới, linh hoạt hơn. Tuy nhiên, những thách thức từ biến động kinh tế vĩ mô, cạnh tranh nguồn lực và sự bất ổn của môi trường pháp lý đòi hỏi huyện phải có những chiến lược ứng phó chủ động. Việc thiết kế cơ cấu đầu tư hợp lý và minh bạch, như khuyến nghị của Kangur, A., & Papageorgiou, C. (2017), là nền tảng để giảm thiểu lãng phí và tăng hiệu suất đầu tư trong bối cảnh nguồn lực hạn chế. Hơn nữa, các nghiên cứu định lượng như của Kosec, K., & Mogues, T. (2018) cho thấy hiệu quả ĐTC địa phương còn phụ thuộc vào mức độ ưu tiên

chính sách và nhu cầu thực tiễn, điều này gợi ý rằng Tân Hồng cần tập trung nguồn lực vào các dự án thực sự cấp thiết và có tác động lan tỏa lớn đến kinh tế - xã hội địa phương.

Các kết quả nghiên cứu và phân tích SWOT đã làm nổi bật bức tranh đa chiều về quản lý vốn ĐTC tại huyện Tân Hồng. Mặc dù có những điểm sáng về tỷ lệ giải ngân, huyện cần tập trung giải quyết các vấn đề cốt lõi liên quan đến hiệu quả đầu tư, năng lực thể chế và tổ chức, cũng như tận dụng các cơ hội từ cải cách chính sách và công nghệ. Việc xây dựng một hệ thống giải pháp đồng bộ, tác động toàn diện vào các khâu của chu trình quản lý ĐTC là yêu cầu cấp thiết để Tân Hồng có thể tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực công, góp phần vào sự phát triển bền vững của địa phương.

5. GIẢI PHÁP

Dựa trên kết quả phân tích thực trạng và các yếu tố chiến lược từ mô hình SWOT, nghiên cứu đề xuất một hệ thống các giải pháp toàn diện nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý và hiệu quả sử dụng vốn ĐTC tại huyện Tân Hồng. Các giải pháp này được cấu trúc theo bốn nhóm chiến lược, kết hợp giữa việc phát huy các yếu tố nội lực và tận dụng cơ hội, đồng thời đối phó với các thách thức và khắc phục những điểm yếu còn tồn tại.

Nhóm giải pháp phát huy điểm mạnh và tận dụng cơ hội (S-O): Để khai thác tối đa lợi thế về tỷ lệ giải ngân cao, cơ chế phối hợp nội bộ hiệu quả và sự quyết tâm của chính quyền, đồng thời đón đầu các cơ hội từ đổi mới thể chế và xu hướng chuyển đổi số, huyện Tân Hồng cần chủ động đề xuất với cấp trên việc thí điểm triển khai các phần mềm quản lý dự án ĐTC hiện đại. Việc ứng dụng công nghệ này sẽ giúp chuẩn hóa quy trình, tăng cường tính minh bạch và hiệu quả theo dõi, đánh giá. Song song đó, huyện cần chủ động tiếp nhận cơ chế phân cấp từ cấp tỉnh trong việc phê duyệt và tổ chức thực hiện các dự án nhóm C có quy mô nhỏ, phù hợp với năng lực quản lý của địa phương. Thiết lập và áp dụng hệ thống chỉ số đo lường hiệu suất (KPI) cụ thể cho từng giai đoạn của dự án và cho các đơn vị liên quan cũng là một giải pháp quan trọng nhằm lượng hóa hiệu quả, xác định trách nhiệm và tạo động lực cải tiến liên tục, từ đó phát huy tối đa lợi thế vốn có về nguồn lực và khả năng điều hành.

Nhóm giải pháp phát huy điểm mạnh để đối phó với thách thức (S-T): Trước những thách thức từ biến động kinh tế vĩ mô, cạnh tranh nguồn lực và sự thiếu ổn định của môi trường pháp lý, việc phát huy các điểm mạnh sẵn có như quản lý giải ngân tốt và cơ chế kiểm tra nội bộ hiệu quả là rất cần thiết. Cụ thể, huyện cần tăng cường minh bạch hóa thông tin dự án thông qua việc công bố rộng rãi trên cổng thông tin điện tử của huyện, bao gồm kế hoạch vốn, tiến độ thực hiện, tỷ lệ giải ngân và các báo cáo đánh giá. Việc thành lập một tổ công tác chuyên trách, có sự tham gia của các phòng ban liên quan, để thường xuyên rà soát, kiểm soát tiến độ và kỷ luật tài chính trong giải ngân ĐTC là giải pháp quan trọng. Tổ công tác này sẽ có nhiệm vụ cảnh báo sớm các rủi ro, đề xuất các biện pháp tháo gỡ vướng mắc, đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của các chủ đầu tư, qua đó giúp huyện chủ động ứng phó hiệu quả với các yếu tố bất lợi từ bên ngoài.

Nhóm giải pháp khắc phục điểm yếu và tận dụng cơ hội (W-O): Để khắc phục những hạn chế về thể chế nội bộ, năng lực cán bộ và trình độ ứng dụng công nghệ thông tin, huyện cần tận dụng tối đa các chính sách hỗ trợ từ Trung ương và tỉnh. Trọng tâm là tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn chuyên sâu về quản lý dự án, giám sát, đấu thầu và quyết toán vốn cho đội ngũ cán bộ chuyên trách, đặc biệt là cán bộ tại các xã - thị trấn, những người trực tiếp tham gia vào quá trình triển khai dự án ở cơ sở. Huyện cần phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành của tỉnh để triển khai đồng bộ các phần

mềm kế toán - đầu tư công theo hướng dẫn chung, đồng thời xây dựng và chuẩn hóa các quy trình nội bộ từ giai đoạn lập kế hoạch đến quyết toán dự án. Việc này không chỉ nâng cao năng lực thực thi mà còn giúp huyện tiếp cận và áp dụng hiệu quả các cơ hội từ chính sách và công nghệ mới.

Nhóm giải pháp khắc phục điểm yếu và đối phó với thách thức (W-T): Đối với những điểm yếu có nguy cơ bị khuếch đại bởi các thách thức bên ngoài, huyện cần tập trung kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao trách nhiệm giải trình. Cần củng cố Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất theo hướng chuyên môn hóa cao hơn, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ. Xây dựng và áp dụng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả làm việc (KPI) cụ thể cho từng vị trí, từng bộ phận trong các đơn vị này, kết hợp với việc thiết lập hệ thống kiểm tra, giám sát nội bộ định kỳ, sẽ góp phần giảm thiểu nguy cơ chậm tiến độ, đội vốn hoặc thất thoát ngân sách. Bên cạnh đó, việc xây dựng các kịch bản và kế hoạch ứng phó rủi ro chi tiết cho từng loại dự án, đặc biệt là các dự án lớn, chịu ảnh hưởng nhiều bởi biến động thị trường và chính sách, là hết sức cần thiết trong bối cảnh kinh tế - xã hội còn nhiều biến động, đảm bảo tính chủ động và bền vững trong quản lý ĐTC.

6. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

6.1. Kết luận

Nghiên cứu đã tiến hành đánh giá một cách hệ thống và toàn diện thực trạng công tác quản lý nguồn vốn ĐTC trong lĩnh vực xây dựng cơ bản tại huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp trong giai đoạn 2020-2024. Kết quả cho thấy, huyện Tân Hồng đã đạt được những thành tựu đáng kể, nổi bật là tỷ lệ giải ngân vốn ĐTC duy trì ở mức cao, thể hiện sự nỗ lực và quyết tâm của chính quyền địa phương trong việc triển khai các dự án phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, công tác quản lý vốn ĐTC tại huyện vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế cần được khắc phục. Các yếu tố như thể chế pháp lý tại địa phương chưa hoàn thiện, năng lực chuyên môn của một bộ phận cán bộ còn hạn chế, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chưa sâu rộng, và đặc biệt là hiệu quả tổng thể của một số dự án đầu tư chưa tương xứng với nguồn vốn đã giải ngân, là những thách thức chủ yếu. Phân tích SWOT đã làm rõ các điểm mạnh, điểm yếu nội tại cũng như các cơ hội và thách thức từ môi trường bên ngoài, tạo cơ sở vững chắc cho việc đề xuất các giải pháp mang tính chiến lược.

Trên cơ sở phân tích thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng, nghiên cứu đã đề xuất một hệ thống giải pháp toàn diện, bao gồm các nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực tổ chức và con người, tăng cường ứng dụng công nghệ, và cải tiến cơ chế tài chính cũng như công tác giám sát. Các giải pháp này được xây dựng dựa trên nguyên tắc phát huy lợi thế, khắc phục yếu kém, nắm bắt cơ hội và chủ động đối phó với thách thức, hướng đến mục tiêu cuối cùng là nâng cao chất lượng công tác quản lý và hiệu quả sử dụng vốn ĐTC tại địa phương.

6.2. Kiến nghị

Để các giải pháp đề xuất trong nghiên cứu có thể được triển khai và phát huy hiệu quả trong thực tiễn, tác giả xin đưa ra một số kiến nghị cụ thể như sau:

- **Đối với UBND huyện Tân Hồng:** Cần sớm xây dựng kế hoạch hành động chi tiết để triển khai các nhóm giải pháp đã được đề xuất, trong đó phân công rõ trách nhiệm cụ thể cho từng phòng ban chuyên môn và các đơn vị liên quan. Ưu tiên các giải pháp mang tính đột phá như thí điểm ứng dụng phần mềm quản lý dự án, xây dựng hệ thống KPI, và tăng cường đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ. Đồng thời, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện và định kỳ đánh giá, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế.

- **Đối với UBND tỉnh Đồng Tháp và các Sở, ngành cấp tỉnh:** Đề nghị UBND tỉnh quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ nguồn lực (tài chính, kỹ thuật) và cơ chế chính sách thuận lợi để huyện Tân Hồng có thể thực hiện thí điểm các mô hình quản lý ĐTC mới, đặc biệt là các giải pháp liên quan đến phân cấp quản lý và ứng dụng công nghệ. Các Sở, ngành chuyên môn của tỉnh cần tăng cường công tác hướng dẫn nghiệp vụ, phối hợp chặt chẽ với huyện trong việc giải quyết các vướng mắc phát sinh, đồng thời xem xét, tổng hợp các kiến nghị của huyện liên quan đến những bất cập trong quy định pháp luật hiện hành (ví dụ: quy định về thanh toán, quyết toán vốn) để kiến nghị cấp Trung ương điều chỉnh.

- **Đối với Trung ương (Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan):** Cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp luật về ĐTC, đặc biệt là ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết, đồng bộ và dễ áp dụng cho Luật Đầu tư công 2024. Nghiên cứu và điều chỉnh các quy định về phân cấp quản lý, cơ chế tài chính nhằm tăng tính chủ động và linh hoạt cho các địa phương trong việc quản lý và sử dụng vốn ĐTC, nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả và chống thất thoát. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh hơn nữa công tác thanh tra, kiểm toán và xử lý nghiêm minh các vi phạm trong lĩnh vực ĐTC trên phạm vi cả nước để tạo môi trường đầu tư công lành mạnh, hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Cương, H. (2020). Quản lý vốn đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị (Luận án Tiến sĩ). Huế: Trường Đại học Kinh tế Huế.
- [2]. Dabla-Norris, E., Brumby, J., Kyobe, A., Mills, Z., & Papageorgiou, C. (2011). Investing in Public Investment: An Index of Public Investment Efficiency. Washington, D.C.: International Monetary Fund. IMF Working Paper WP/11/37, trang 1-37.
- [3]. Eltokhy, K., Feruglio, N., Miao, K., Navarro, A., & Tandberg, M. E. (2024). Public Investment Management Bottlenecks in Low-income Countries. Washington, D.C.: International Monetary Fund.
- [4]. Kangur, A., & Papageorgiou, C. (2017). Public sector investment efficiency in developing countries. Trong The New Palgrave Dictionary of Economics (trang 1-10). London: Palgrave Macmillan.
- [5]. Kosec, K., & Mogue, T. (2018). Public goods provision in developing countries: a research agenda for New Institutional Economics (trang 42-50). Cheltenham, UK: Edward Elgar Publishing.
- [6]. Lâm, N. B. (2024). Đầu tư công: 'Mệnh lệnh' tăng trưởng kinh tế năm 2024. Truy cập tại: <https://stockbiz.vn/tin-tuc/dau-tu-cong-menh-lenh-tang-truong-kinh-te-nam-2024/23283979>.
- [7]. Lê, H. A., & Trần, T. N. (2022). Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước tại huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Tạp san Khoa học và Kỹ thuật Trường Đại học Bình Dương, 5(4).
- [8]. Sammut-Bonnici, T., & Galea, D. (2015). SWOT analysis. Wiley Encyclopedia of Management, 12(1).